

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 20-02-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Nguyễn Văn Ngộ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 11 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, bà Nguyễn Thị M vay vốn tại Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C đứng tên để thế chấp nhận bảo đảm cho khoản vay của bà M. Sau đó Ngân hàng N cho vay số tiền vốn gốc 45.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Trong số tiền vay này, bà M nhận 30.000.000 đồng, bà M đưa cho ông C 15.000.000 đồng, theo thỏa thuận giữa ông C và bà M thì phần tiền vốn gốc của người nào thì người đó chịu lãi suất.

Khi đến hạn trả nợ cho Ngân hàng, ông C yêu cầu bà M phải đưa 30.000.000 đồng phần của bà M để trả nợ cho Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho ông C thì bà M không có tiền nên không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn được. Ngày 04/11/2014, ông C và bà M có góp tiền lại để đóng lãi cho Ngân hàng, tiền vay vốn gốc còn lại 45.000.000 đồng thì chưa trả. Đến ngày 24/4/2015, ông C và bà M tiếp tục góp tiền để đóng lãi cho Ngân hàng, số tiền vay vốn gốc còn lại 45.000.000 đồng thì chưa trả.

Đến tháng 02 năm 2017, ông C tiếp tục yêu cầu bà M cùng ông C đến Ngân hàng trả số tiền vay gốc 45.000.000 đồng và thanh toán tiền để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho ông C thì bà M không có tiền, bà M có đề nghị ông C đưa ra tiền trả nợ gốc và thanh toán nợ cho Ngân hàng trong vòng 02 năm bà M trả lại tiền cho ông C bao gồm tiền gốc bà M nhận 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ngân hàng mời ông C làm việc, nếu bà M không có khả năng trả nợ, thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản của ông C thế chấp để thu hồi nợ, nên ông C đồng ý tự đứng ra trả nợ cho Ngân hàng theo đề nghị của bà M.

Vào ngày 08/02/2017, ông C đứng ra trả tất nợ ngân hàng thay cho bà M với tổng số tiền gốc và lãi là 60.457.167 đồng. Khi ông C thanh toán trả nợ cho Ngân hàng thay cho bà M xong, ông C có đem chứng từ cho bà M xem và thỏa thuận bà M còn nợ lại ông C số tiền là 37.000.000 đồng (trong đó 30.000.000 đồng tiền vay vốn gốc bà M nhận và phần tiền lãi phát sinh là 7.000.000 đồng). Bà M thống nhất và cam kết sẽ sớm trả lại số tiền này cho ông C. Sau đó, nhiều lần ông C đến gặp bà M để yêu cầu trả tiền thì bà M hứa hẹn mà không trả tiền.

Đến ngày 20/02/2022, ông C gửi đơn đến Tổ hòa giải ấp C, thị trấn C để yêu cầu hòa giải buộc bà Nguyễn Thị M hoàn trả cho ông C số tiền 37.000.000 đồng. Vào ngày 01/3/2022, Tổ hòa giải tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm hoàn trả cho ông C số tiền còn nợ 37.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả đủ 01 lần trong thời gian hạn 01 tháng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Nguyễn Thị M thừa nhận còn nợ ông C số tiền 27.000.000 đồng, ông C yêu cầu Tòa án buộc bà M trả lại cho ông C số tiền 27.000.000 đồng còn nợ.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 09 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Việc vay nợ Ngân hàng thì bà M và ông C đã trả cho Ngân hàng xong từ lâu. Trước đây, bà M có mượn ông C số tiền 30.000.000 đồng (không nhớ thời gian cụ thể, sau thời gian trả nợ xong cho Ngân hàng), mượn tiền không có làm giấy tờ, bà M đã trả cho ông C số tiền 3.000.000 đồng, hiện nay bà M còn nợ lại ông Nguyễn Văn C số tiền 27.000.000 đồng. Bà M nhớ trước khi mượn tiền ông C một thời gian (không nhớ thời gian cụ thể) ông C có mượn bà M 05 (năm) chỉ vàng 24K, không có làm giấy mượn vàng, có bà Nguyễn Thị T (vợ thầy K, đồng thời là chị ruột của bà M và ông C), địa chỉ ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người chứng kiến.

Bà M thừa nhận còn nợ ông C số tiền là 27.000.000 đồng. Khi nào ông C trả cho bà M 05 chỉ vàng 24K thì bà M trả cho ông C số tiền 27.000.000 đồng. Bà M sẽ làm đơn yêu cầu phản tố gửi cho Tòa án sau.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện bà Nguyễn Thị M có địa chỉ cư trú tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Người khởi kiện ông Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng buộc bà Nguyễn Thị M hoàn trả cho ông C số tiền còn nợ 37.000.000 đồng do ông C đã trả nợ Ngân hàng thay bà M. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho ông Nguyễn Văn C nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và ông C là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và

được Tòa án chấp nhận. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng do ông C đã trả nợ Ngân hàng thay bà M. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Nguyễn Thị M thừa nhận còn nợ ông C số tiền 27.000.000 đồng nên ông C yêu cầu Tòa án buộc bà M trả lại cho ông C số tiền 27.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền 27.000.000 đồng do nguyên đơn đã trả nợ số tiền vay Ngân hàng thay bị đơn. Tuy nhiên, bà M cho rằng số tiền nợ ngân hàng thì bà đã trả xong từ lâu. Trước đây, bà M có mượn ông C số tiền 30.000.000 đồng (không nhớ thời gian cụ thể, sau thời gian trả nợ xong cho Ngân hàng), mượn tiền không có làm giấy tờ, bà M đã trả cho ông C số tiền 3.000.000 đồng, hiện nay bà M còn nợ lại ông Nguyễn Văn C số tiền là 27.000.000 đồng. Bà M nhớ trước khi mượn tiền ông C một thời gian (không nhớ thời gian cụ thể) ông C có mượn bà M 05 (năm) chỉ vàng 24K, không có làm giấy mượn vàng, có bà Nguyễn Thị T (vợ thầy K, đồng thời là chị ruột của bà M và ông C), địa chỉ ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người chứng kiến. Bà M thừa nhận còn nợ ông C số tiền là 27.000.000 đồng. Khi nào ông C trả cho bà M 05 chỉ vàng 24K thì bà M trả cho ông C số tiền là 27.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đều thừa nhận có vay tiền Ngân hàng và khi khởi kiện, ông C đã giao nộp cho Tòa án các chứng từ giao dịch tại Ngân hàng vào ngày 08/02/2017 thể hiện người tất toán khoản nợ vay vốn gốc và toàn bộ lãi suất với số tiền tổng cộng 60.457.167 đồng cho Ngân hàng là ông Nguyễn Văn C. Bà M cũng thừa nhận ông C là người đứng ra trả nợ tất toán cho Ngân hàng, sau đó bà M đã trả lại toàn bộ số tiền do bà M còn nợ Ngân hàng cho ông C. Tuy nhiên, ông C cho rằng bà M chưa trả cho ông C số tiền do ông C đã trả cho Ngân hàng thay bà M với số tiền 37.000.000 đồng, nay bà M thừa nhận còn nợ ông C số tiền 27.000.000 đồng là số tiền mượn của ông C nên ông C đồng ý bà M còn nợ ông C số tiền 27.000.000 đồng nhưng đây là số tiền ông C đã thay bà M trả nợ Ngân hàng chứ không phải số tiền mượn vì ông C không

có cho bà M mượn tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền đã mượn 27.000.000 đồng nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh được số tiền nợ nguyên đơn là số tiền mượn. Do đó, lời trình bày của nguyên đơn về số tiền nợ trên là số tiền do nguyên đơn đã trả nợ ngân hàng thay cho bị đơn là có căn cứ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận bà M còn nợ ông Nguyễn Văn C số tiền 27.000.000 đồng là có cơ sở.

[4.2] Theo khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự quy định: “Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”.

[4.3] Đối với yêu cầu của bị đơn cho rằng ông Nguyễn Văn C có mượn bị đơn 05 (năm) chỉ vàng 24K, không có làm giấy mượn vàng, có bà Nguyễn Thị T (vợ thầy K, đồng thời là chị ruột của bị đơn và ông C), địa chỉ ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người chứng kiến. Khi nào ông C trả cho bị đơn 05 chỉ vàng 24K thì bị đơn trả cho ông C số tiền là 27.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã ban hành Thông báo số 127/TB-TA ngày 09/11/2022 cho bị đơn thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn vào ngày 10/11/2022 nhưng bị đơn không làm đơn yêu cầu phản tố và thực hiện các thủ tục phản tố theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ông C phải trả số vàng cho bị đơn trong vụ án này, Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện thành một vụ án khác đối với yêu cầu nêu trên của bị đơn đối với nguyên đơn.

[5] Từ những nhận định tại các đoạn [4.1], [4.2], [4.3] nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền 27.000.000 đồng do nguyên đơn đã trả nợ Ngân hàng thay bị đơn.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

[7.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 1.350.000 đồng. Do bị đơn bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi và có đơn yêu cầu xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị đơn bà Nguyễn Thị M được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông C là người cao tuổi đã được Tòa án cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 166; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

2. Xử buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn C số tiền còn nợ 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn bà Nguyễn Thị M được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

3.2. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn là người cao tuổi đã được Tòa án cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
(P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn